

Số: 03/QĐ-THPTNK

Vĩnh Bảo, ngày 13 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh phân công giảng dạy học và nhiệm vụ học học kỳ 2
Năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

Căn cứ Chỉ thị 1112/CT-BGDĐT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 về việc Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông tư ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 16/20017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy và Ban giám hiệu trường THPT Nguyễn Khuyến về việc xem xét, cho ý kiến đối với công tác phân công lao động và công tác cán bộ, tổ chức bộ máy trong nhà trường;

Xét đề nghị của Ban chuyên môn và Văn phòng trường THPT Nguyễn Khuyến,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phân công giảng dạy và nhiệm vụ học kỳ 2 năm học 2022-2023 đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được phân công giảng dạy và nhiệm vụ trong học kỳ 2 năm học 2022-2023 có trách nhiệm căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và vị trí công tác thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà nước, thành phố, ngành, địa phương và nhà trường;

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2023 cho tới khi kết thúc năm học 2022-2023;

Điều 3. Các bộ phận có liên quan như: Ban Giám hiệu, Ban chuyên môn, Văn phòng, Kế toán và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT (để b/c);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT.



Phạm Huy Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU CHỈNH DANH SÁCH
PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY VÀ KIỂM NGHIỆM CỦA GIÁO VIÊN
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-THPTNK ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)

TT	HỌ VÀ TÊN	MÔN	KIỂM NGHIỆM		BỘ TRÍ GIẢNG DẠY			Số tiết giảng dạy	Số tiết kiểm nghiệm	Tổng số tiết
			Chủ nhiệm	Khác	Lớp dạy	Chủ đề/tự chọn	Học nghề/GD địa phương			
1	Vũ Thị Bích Ngân	Toán		CTCD	B7, C4, C5, C7	B7, C4, C7		15	3	18
2	Vũ Phú Bình	Toán	10C3	SHCD	A2, A5, C3, C9	C3		15	5	20
3	Phạm Trung Kiên	Toán	10C1	SHCD, TPCM, PCTCD	B6, C1, C6, C10	C1, C6		14	9	23
4	Phạm Thị Xuyên	Toán	11B5	HN, NGLL	A4, B3, B5	B3, A4, B5		13	5	18
5	Phạm Bá Thịnh	Toán		TTCM; TTCB	A3, A6, B1, B4	B1, B4, A3		17	4	21
6	Nguyễn Văn Tiến	Toán	10C2	SHCD	B8, C2, C8, C11	B8, C11, C2, C8		16	5	21
7	Phạm Thị Liên	Toán			A1, A7, B2, B9	A1, A7, B2		17		17
8	Tạ Thị Nhân	Lý		TTCM	A1, A3, A4, A5, C2, C3, C4	A1, C2		17	3	20
9	Nguyễn Thị Thuý Thom	Lý								
10	Trần Văn Chung	Lý	11B1	HN, NGLL	B1, B4, B5, B6, B7, C1, C7, A6	B4, B1, C1		22	5	27
11	Nguyễn Thị Hải	Lý		PBTDT	B2, B3, B8, A2, A7, B9	A2, A6, A7, B9		16	6	22
12	Nguyễn Thị Minh	Hoá	12A7	HN, NGLL	A7, C3, C5, C9, C11	C3, C9		12	5	17
13	Phạm Thị Thu Hà	Hoá	10C10	SHCD	B8, B3, B4, C2, C10	B8, C10		12	5	17
14	Vũ Văn Thắng	Hoá	11B2	HN, NGLL; TPCM	A1, A6, B2, B6, B7	B2		11	6	17
15	Nguyễn Phương Loan	Hoá		Thí nghiệm	A2, A3, A4, A5, B1, B9	A5, B9		14	2	16
16	Trần Thị Thuý Hà	Hoá	10C4	SHCD	B5, C1, C4, C6, C8	C1, C4		12	5	17

17	Cao Thị Giang	Sinh	12A1	HN,NGLL; TPCM, TTCĐ	A1, A4, A6, B2, B4, B5	B5	1 lớp nghề B3 Dạy giáo dục địa phương C1, C2, C3	10+3	7 (12 tiết/HK)	20
18	Phạm Thị Hồng Nhung	Sinh			B1, B3, B6, B7, B8, B9, C4, C5, C6	B6	2 lớp nghề B4, B8. Dạy giáo dục địa phương C4, C5, C6, C7, C8	13+6	20 tiết/HK	19
19	Vũ Hoa Lê	Sinh			A2, A3, A5, A7, C9, C10, C11		2 lớp nghề B6, B7. Dạy giáo dục địa phương C9, C10, C11	14+6	(12 tiết/HK)	20
20	Bùi Thị Chiên	KTN	10C11	SHCD	C1, C2, C11		2 lớp nghề B5, B9	6+6	5	17
21	Hà Đức Huy	KTCN			A6, A7, B8, B9			6	0	6
22	Nguyễn Thị Nguyên	KTCN	10C9	SHCD UVBCHCD	A1, A2, A3, A4, A5, B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, C9			21	6	27
23	Vũ Quốc Mạnh	Tin		Phụ trách phòng tin số 1 khu TT	A4, A5, A6, C3, C4, C5, C7	C4	1 lớp nghề B2	12+3	4	19
24	Đoàn Thị Trang	Tin		Phụ trách phòng tin khu PH	A1, A2, A3, A7, B4, B5, B6, B7, B8, B9			16	2	18
25	Trần Nhật Giáp	Tin		Giáo vụ; Phụ trách phòng tin số 2 khu TT	B1, B2, B3, C6, C8, C10		1 lớp nghề B1	12+3	5	20
26	Phạm Minh Hương	Văn	10C5	SHCD	B4, C1, C5	B4, C5		11	5	16
27	Phạm Thị Thanh	Văn	10C6	SHCD	A6, C3, C6	A6, C6		11	5	16
28	Hoàng Roãn Tuấn	Văn	11B7	HN,NGLL; TPCM, TKHD	A3, A7, B7	A3, B7		11	7	18
29	Phạm Thị Hương	Văn	12A2	HN,NGLL	A2, B8, B9	A2, B8, B9		12	5	17
30	Đào Thị Nhung	Văn	12A5	HN,NGLL	A5, C2, C9	A5, C2, C9		12	5	17
31	Trần Thị Ngoan	Văn	11B3	HN,NGLL TTCĐ	B3, C4, C10	B3, C10		11	6	17
32	Nguyễn Mạnh Hoàng	Văn		TTCM	B1, B6, C7	B1, B6, C7		12	3	15
33	Nguyễn Thị Bình	Văn	12A4	HN,NGLL; TBTN	A1, A4, C8	A4, C8		11	6	17
34	Phạm Thị Gấm	Văn			B2, B5, C11	B2, B5, C11		12		12
35	Nguyễn Thị Hằng	T. Anh			A2, B3, B7	A2, B3, B7		12		16
36	Quách Thị Hôi	T. Anh		TTCM;	A3, A5, C1, C4	A5, A3		14	3	17

37	Vũ Thành Trung	T. Anh	11B9	HN, NGLL TTCD	B9, C6, C11	B9		10	6	16
38	Nguyễn Thị Hồng Phương	T. Anh			A6, B2, B5, B8	A6, B2, B5, B8		16		16
39	Nguyễn Thị Nhung	T. Anh	11B6	HN, NGLL	A1, B4, B6	A1, B4, B6		12	5	17
40	Vũ Thị Thêm	T. Anh	10C7	SHCD TPCM	A7, C5, C7	A7		10	6	16
41	Vũ Đức Hoà	T. Anh	10C8	SHCD	A4, C3, C8	A4		10	5	15
42	Nguyễn Thị Kim Oanh	T. Anh			B1, C2, C9, C10	B1		13		13
43	Nguyễn Thị Lý	Sư			A2, A5, A6, B1, B2, B4, B7, B8, C1, C5, C7, C9, C10	C5		19		19
44	Lê Thị Cẩm	Sư			A1, A3, A4, A7, B3, B5, B6, B9, C3, C4, C6, C8, C11			18		18
45	Phạm Thị Hồng Diên	Sư		BTĐT; Tư vấn học đường; TPCM	C2			2	17	19
46	Đỗ Thị Châu	Địa		TTCM; TTCD	A5, A6, B1, B4, B5, B6, B7, B8, C10	C10	Dạy giáo dục địa phương C1, C2, C3, C10	13	4 (32 tiết/HK)	17
47	Nguyễn Văn Hà	Địa	12A3	HN, NGLL	A1, A3, A4, C5, C6, C8	C5, C6, C8	Dạy giáo dục địa phương C4, C5, C6, C8	15	5 (32 tiết/HK)	20
48	Đoàn Thị Chúc	Địa			A2, A7, B2, B3, B9, C7, C9, C11	C7, C9, C11	Dạy giáo dục địa phương C7, C9, C11	16	24 (24 tiết/HK)	16
49	Trần Thị Huế	CD	11B8	HN, NGLL; TPCM	A4, A5, A6, B1, B2, B5, B6, B8, C1, C2, C8		Dạy giáo dục địa phương C1, C2, C8, C9, C11	14	6 (20 tiết/HK)	20
50	Lê Thị Quyên	CD	11B4	HN, NGLL	A1, A2, A3, A7, B3, B4, B7, B9, C3, C7		Dạy giáo dục địa phương C3, C4, C5, C6, C7, C10	12	5 (24 tiết/HK)	17
51	Trần Công Vũ	TD+QP	12A6	TB TTND; TPCM HN, NGLL;	TD: A1, A6 QP: A1, A2, A3, A4, A6, A7, B9, C11			12	8	20
52	Đỗ Trọng Hiếu	TD+QP			A2, A3, A4, A5, B1, B2, B3, B7, B8			18		18

53	Vũ Thị Thom	QP		A5, B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, C8, C9, C10			19		19
54	Trần Viết Bằng	TD+QP		PBTDT, TD khu PH	A7, B9, C4, C5, C6, C10, C11		14	6	20
55	Nguyễn Văn Toàn	TD			B4, B5, B6, C1, C2, C3, C7, C8, C9		18		18

Ghi chú: Số tiết dạy Hoạt động Giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm - Hướng nghiệp của khối 10 được tính cho từng người cụ thể trong từng học kỳ.



TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-THPTNK ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngoan	Tổ phó tổ CM	Nhân viên thư viện, kiêm Thủ quỹ	
2	Nguyễn Đình Đông	Nhân viên	Nhân viên Văn thư	
3	Nguyễn Thị Oanh	Nhân viên	Nhân viên Kế toán	
4	Trần Văn Hà	Nhân viên	Nhân viên bảo vệ	
5	Nguyễn Văn Lôi	Nhân viên	Nhân viên bảo vệ	
6	Trần Văn Tâm	Nhân viên	Nhân viên bảo vệ	
7	Lê Thành	Nhân viên	Nhân viên bảo vệ	
8	Nguyễn Thị Gói	Nhân viên	Nhân viên tạp vụ	